

Số: 16 /2013/NQ-HĐND

Thừa Thiên Huế, ngày 12 tháng 12 năm 2013

NGHỊ QUYẾT

**Về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng
phí trông giữ xe ô tô trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ T.T.HUẾ	
ĐẾN	Số: 1340
	Ngày: 20/12
	Chuyên:

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
KHÓA VI, KỲ HỌP LẦN THỨ 7**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Sau khi xem xét Tờ trình số 6332/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trông giữ xe ô tô; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành và thông qua mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trông giữ xe ô tô trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế với những số nội dung sau:

1. Đối tượng nộp phí:

Chủ các phương tiện xe ô tô, bao gồm: Xe ô tô chở người, xe ô tô tải, rơ moóc, sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô, máy kéo (sau đây gọi chung là ô tô) có nhu cầu trông giữ xe tại các điểm đỗ, bến bãi trông giữ phương tiện công cộng

phù hợp với quy hoạch và quy định về kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị của địa phương hoặc được cấp có thẩm quyền cho phép.

2. Mức thu phí:

TT	Nội dung	Mức thu (đồng)		
		Các điểm trông giữ xe ở chợ, bệnh viện, trường học	Các điểm trông giữ xe thông thường khác	Các điểm trông giữ xe có chất lượng cao hoặc các điểm trông giữ xe tại các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa
I	Mức thu phí ban ngày (áp dụng từ 6h00 đến 22h00 cùng ngày)			
1	Xe taxi	5.000	5.000	10.000
2	Xe ô tô chở người dưới 16 chỗ ngồi và xe tải có trọng tải dưới 5 tấn	7.000	8.000	15.000
3	Xe ô tô chở người từ 16 chỗ ngồi trở lên và xe tải có trọng tải từ 5 tấn trở lên	8.000	10.000	25.000
II	Mức thu phí vào ban đêm (áp dụng từ 22h00 đến trước 6h00 hôm sau)			
1	Xe taxi	10.000	10.000	20.000
2	Xe ô tô chở người dưới 16 chỗ ngồi và xe tải có trọng tải dưới 5 tấn	14.000	16.000	30.000
3	Xe ô tô chở người từ 16 chỗ ngồi trở lên và xe tải có trọng tải từ 5 tấn trở lên	16.000	20.000	50.000
III	Mức thu phí theo hình thức khoán tháng			
1	Xe taxi	150.000	150.000	300.000
2	Xe ô tô chở người dưới 16 chỗ ngồi và xe tải có trọng tải dưới 5 tấn	210.000	240.000	450.000
3	Xe ô tô chở người từ 16 chỗ ngồi trở lên và xe tải có trọng tải từ 5 tấn trở lên	240.000	300.000	750.000

- Trường hợp trông giữ cả ngày và đêm thì mức thu phí cả ngày và đêm tối đa bằng mức thu phí ban ngày cộng với mức thu phí ban đêm;

- Việc xác định các điểm giữ xe chất lượng cao, điểm trông giữ xe tại các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa giao Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể.

3. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí:

a) Tỷ lệ để lại đơn vị thu phí:

- Đối với các điểm trông giữ xe không do nhà nước đầu tư, hoặc do nhà nước đầu tư nhưng đã chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tự thực hiện sản xuất kinh doanh: Đơn vị thu phí được để lại 100% trên số phí thu được.

- Đối với phí do các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập tổ chức thu phí: Đơn vị thu phí được để lại 90% (chín mươi phần trăm) để trang trải chi phí cho các hoạt động thu phí, 10% còn lại nộp ngân sách nhà nước theo qui định.

b) Nội dung chi đối với khoản phí được để lại đơn vị thu:

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính về hướng dẫn các quy định pháp luật về phí, lệ phí và Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 năm 5 năm 2006 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2014, bãi bỏ điểm 1.1, khoản 1, Điều 1 Nghị quyết số 3h/2006/NQ-HĐND ngày 10 tháng 4 năm 2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo nhiệm vụ, quyền hạn đã được pháp luật quy định.

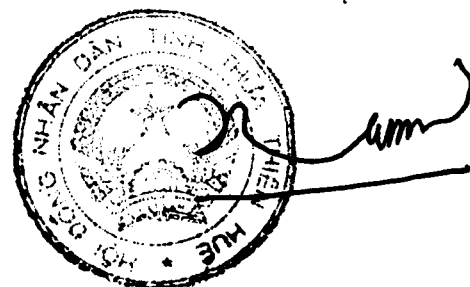
3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế: Triển khai phân loại các điểm, bãi trông giữ xe ô tô trên địa bàn để áp dụng mức thu theo đúng quy định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế khóa VI kỳ họp thứ 7 thông qua./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu QH;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã và Tp Huế;
- Công báo tỉnh;
- VP: Lãnh đạo và các CV;
- Lưu: VT, LT.H..

CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Thiện